



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2026/NQ-HĐND

Cà Mau, ngày tháng năm 2026

ĐẠI THẢO

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức hỗ trợ một số nội dung thực hiện Chương trình Bố trí dân cư trên địa bàn tỉnh Cà Mau giai đoạn 2026 - 2030

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

*Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân
sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 24/2023/TT-BNNPTNT ngày 21 tháng 12 năm 2023
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội
dung thực hiện Quyết định số 590/QĐ-TTg ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Thủ
tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc
biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn
2021-2025, định hướng đến năm 2030;*

*Căn cứ Thông tư số 13/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của
Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân định thẩm quyền quản
lý nhà nước trong lĩnh vực kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn và lĩnh vực
giảm nghèo;*

*Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy
ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ một số nội dung
thực hiện Chương trình Bố trí dân cư trên địa bàn tỉnh Cà Mau giai đoạn 2026 -
2030; Báo cáo thẩm tra số/BC-HĐND ngày tháng ... năm 2026 của Ban
Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu
Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định mức hỗ trợ một số nội
dung thực hiện Chương trình Bố trí dân cư trên địa bàn tỉnh Cà Mau giai đoạn
2026 - 2030.*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức hỗ trợ một số nội dung thực hiện Chương
trình Bố trí dân cư trên địa bàn tỉnh Cà Mau giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn
tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 7 Thông tư số 24/2023/TT-

BNNPTNT hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 590/QĐ-TTg ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Hộ gia đình, cá nhân được bố trí ổn định theo hình thức tái định cư tập trung, xen ghép theo quy hoạch, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bao gồm:

a) Hộ gia đình, cá nhân bị mất nhà ở đất ở do sạt lở đất, sụt lún đất, lốc, lũ, lũ quét; Hộ gia đình, cá nhân sinh sống ở vùng có nguy cơ bị sạt lở đất, sụt lún đất, lốc, lũ, lũ quét, ngập lụt, nước dâng.

b) Hộ gia đình, cá nhân sống ở vùng đặc biệt khó khăn, thiếu đất, nước để sản xuất, thiếu nước sinh hoạt, thiếu cơ sở hạ tầng thiết yếu, ô nhiễm môi trường.

c) Hộ gia đình, cá nhân tự nguyện đến các khu kinh tế - quốc phòng, hải đảo.

d) Hộ gia đình, cá nhân đã di cư tự do đến địa bàn tỉnh không theo quy hoạch, kế hoạch, đời sống còn khó khăn; hộ gia đình, cá nhân sinh sống hợp pháp trong khu rừng đặc dụng cần phải bố trí, ổn định lâu dài.

2. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

3. Đối tượng áp dụng thuộc khoản 1, khoản 2 Điều này không bao gồm đối tượng thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030 theo Quyết định số 417/QĐ-BNNMT ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030.

Điều 3. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Sắp xếp, bố trí dân cư phải phù hợp với các quy hoạch, kế hoạch, dự án trên địa bàn tỉnh; ưu tiên bố trí ổn định dân cư để khắc phục phòng, tránh và giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai; trong đó, các hộ bị mất nhà ở, chỗ ở và các hộ có nguy cơ cao hơn được ưu tiên hỗ trợ trước.

2. Sắp xếp, ổn định dân cư phải trên cơ sở nguyện vọng và sự đồng thuận của người dân, cộng đồng dân cư, phù hợp với phong tục, tập quán sinh hoạt sản xuất của người dân địa phương, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo điều kiện kết cấu hạ tầng thiết yếu, an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh và môi trường sinh thái.

3. Nhà nước hỗ trợ trực tiếp cho hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng hỗ trợ của Nghị quyết này bằng tiền để thực hiện di chuyển người và tài sản, xây dựng mới nhà ở, lương thực và nước sinh hoạt (nếu có) trong thời gian đầu tại nơi tái định cư.

4. Công tác hỗ trợ phải kịp thời, đảm bảo công khai, minh bạch, có sự kiểm tra, giám sát chặt chẽ của cơ quan có thẩm quyền và cộng đồng dân cư; phải đảm bảo đúng đối tượng, đủ điều kiện theo quy định.

5. Trong cùng một thời điểm, một nội dung chính sách hỗ trợ có nhiều mức khác nhau, đối tượng thụ hưởng được xem xét, áp dụng mức hỗ trợ có lợi nhất, tạo điều kiện cho hộ gia đình, cá nhân ổn định cuộc sống.

6. Mỗi hộ gia đình, cá nhân chỉ được hỗ trợ 01 lần; các đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ tái định cư (*tự lo tái định cư*) do bị ảnh hưởng các dự án trước đây trên địa bàn tỉnh và các đối tượng di cư tự do đã được hỗ trợ chính sách bố trí dân cư ở nơi khác thì không được hưởng chính sách hỗ trợ của Nghị quyết này.

Điều 4. Nội dung, mức hỗ trợ và phương thức thực hiện

1. Hỗ trợ nhà ở, lương thực, nước sinh hoạt cho đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này. Mức hỗ trợ cụ thể như sau:

a) Hỗ trợ nhà ở (*hỗ trợ chi phí xây dựng mới nhà ở tại nơi tái định cư*): Hỗ trợ 80.000.000 đồng/hộ gia đình, cá nhân.

b) Hỗ trợ lương thực: Hỗ trợ 600.000 đồng/người/tháng trong 12 tháng đầu tại nơi tái định cư.

c) Hỗ trợ nước sinh hoạt: Đối với hộ gia đình, cá nhân được sắp xếp, bố trí tái định cư nhưng chưa có hệ thống cấp nước sinh hoạt tập trung, được hỗ trợ tiền nước sinh hoạt mỗi người 04m³/tháng, nhưng không quá 12 tháng theo mức giá quy định của địa phương tại thời điểm hỗ trợ.

2. Phương thức thực hiện: Hỗ trợ trực tiếp hộ gia đình, cá nhân bằng tiền thông qua chủ hộ, cá nhân sau khi hoàn tất đầy đủ hồ sơ đã quy định tại Điều 10 Thông tư 24/2023/TT-BNNPTNT và Điều 7 Thông tư 13/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn và lĩnh vực giảm nghèo. Trường hợp chủ hộ gia đình, cá nhân không thể trực tiếp đến nhận hỗ trợ thì được uỷ quyền cho người đại diện theo quy định của pháp luật để nhận thay.

Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện

Sử dụng nguồn kinh phí từ ngân sách Nhà nước (*ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương*) theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 và quy định của pháp luật về đầu tư công; nguồn kinh phí lồng ghép từ các chương trình, kế hoạch, dự án và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng..... năm 2026.

2. Các Nghị quyết sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành:

a) Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau quy định mức hỗ trợ một số nội dung thực hiện Chương trình bố trí dân cư đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Cà Mau;

b) Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bạc Liêu ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ trực tiếp cho hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng của Chương trình Bố trí dân cư trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu giai đoạn 2024 - 2025.

Điều 7. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với các trường hợp hộ gia đình, cá nhân đã được bố trí nền tái định cư (*được cấp có thẩm quyền phê duyệt*) nhưng chưa được hỗ trợ theo quy định trước ngày 01 tháng 01 năm 2026 thì được hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết này.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau khóa Kỳ họp thứ thông qua ngày tháng ... năm 2026.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (b/c);
- Chính phủ (b/c);
- Ủy ban công tác đại biểu của Quốc hội (b/c);
- Các Bộ: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Tư pháp;
- Cục Kiểm tra VB&TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh Cà Mau;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH, HĐND tỉnh, VP UBND tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các xã, phường;
- Trang Thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT,

CHỦ TỊCH